

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/DSST
Ngày: 28-12-2021
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Võ Thị Hồng Trà.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tú Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2020/TLST-DS ngày 03/8/2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-DS ngày 22/11/2021, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 125/2021/TB-TĐTG ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T... phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Lệ D, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố Ninh Tịnh 6, phường 9, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: Vào tháng 12/2012, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có bán cho bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D 01 chiếc xe, tính đến ngày 19/5/2013 bà D còn nợ lại số tiền 5.175.000 đồng, cam kết trả góp mỗi tháng 1.294.000 đồng, góp 04 tháng theo giấy xác nhận nợ đề ngày 19/5/2013. Từ ngày nhận nợ cho đến nay bị đơn bà D không trả nợ như cam kết nên nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu bị

đơn bà D phải trả số tiền nợ gốc 5.175.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 19/5/2013 cho đến khi trả nợ xong.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: Ngày 27/9/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có bán cho bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Citi, biển số kiểm soát G1-04719, số khung 027654, số máy 0027654, bà D còn nợ lại số tiền 6.400.000 đồng, hẹn 10 ngày sẽ trả nợ, nhưng đến nay bà D không trả nợ nên bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 6.400.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày cam kết nhận nợ xe máy trả góp (ngày 27/9/2013) cho đến khi trả nợ xong.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 13/12/2021, nguyên đơn bà S yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án qua Công an điều tra khởi tố bà D về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và về dân sự buộc bà D phải trả số tiền 5.175.000 đồng theo giấy nợ gốc và lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ xong.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội D vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 476, 305 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 5.175.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày nhận nợ mua xe cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn

diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cùng với đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2013 và ngày 04/12/2013, nguyên đơn bà S cung cấp giấy xác nhận nợ đề ngày 19/5/2013 (bản gốc); Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 27/9/2013 (bản photo); Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp đề ngày 27/9/2013 (bản photo); Giấy đăng ký mô tô, xe máy đứng tên ông Lê Văn T (bản photo) không công chứng, chứng thực hợp pháp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 13/12/2021, nguyên đơn bà S yêu cầu bị đơn bà D phải trả số tiền 5.175.000 đồng theo giấy nợ gốc và lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực các tài liệu, chứng cứ gồm Hợp đồng kinh tế mua xe máy, Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp cũng như tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với xe gắn máy mang biển số kiểm soát 78G1-04719 nhưng bà S không cung cấp.

Xét thấy: Tại xác nhận nợ đề ngày 19/5/2013 (bản gốc) có nội D, bị đơn bà D mua xe từ tháng 12/2012 còn nợ nguyên đơn bà S số tiền 5.175.000 đồng, hện góp 04 tháng, mỗi tháng góp 1.294.000 đồng. Tại Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 27/9/2013 (bản photo) và Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp đề ngày 27/9/2013 (bản photo) có nội D, nguyên đơn bà S bán cho bị đơn bị bà D 01 xe gắn máy nhãn hiệu Citi, biển số kiểm soát 78G1-04719, số khung 027654, số máy 0027654 bà D mua ngày 27/12/2012 và còn nợ lại số tiền 6.400.000 đồng.

Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 22/12/2021 của Công an thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cung cấp thông tin, chiếc xe bị đơn bà D mua có biển số 78G1-047.19, nhãn hiệu: Citi; số máy: VHLFM152FMHV00227654, số khung: RMNDCH9MN8H027654 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt cũng như biên bản ghi lời khai, ông Lê Văn T thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; Lời khai của ông T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: chiếc xe mô tô biển số 78G1-047.19, nhãn hiệu: Citi; số máy: VHLM152FMHV00227654, số khung: RMNDCH9MN8H027654 do ông Lê Văn T đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe là tài sản của bà Hồ Thị Thanh S và nguyên đơn bà S đã bán chiếc xe mô tô biển số 78G1-047.19 nêu trên cho bị đơn bà D vào tháng 12/2012. Tính đến ngày 19/5/2013 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 5.175.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày từ đó cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được khoản nào. Bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho bà S. Như vậy, bị đơn không trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy nhận nợ đã cam kết nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 5.175.000 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày nhận nợ mua xe cho đến khi trả nợ xong. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 150% của mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày nhận nợ mua xe 19/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2021 là 08 năm 07 tháng 09 ngày x 5.175.000 đồng x 1,125%/tháng = 6.013.996 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 11.188.996 đồng.

[5] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78G1-047.19 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn chịu).

[6] Về yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” đối với bà Huỳnh Thị Lệ D của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S là không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 227, 228, 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 476 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 11.188.996 đồng (*mười một triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*) trong đó: tiền gốc là 5.175.000 đồng (*năm triệu một bảy mươi lăm nghìn đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 28/12/2021 là 6.013.996 đồng (*sáu triệu không trăm mười ba nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Về án phí : Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ D phải chịu 559.449 đồng (*năm trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh số tiền tạm ứng án phí 130.000 đồng (*một trăm ba mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002024 ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang